TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2026/HC-PT
Ngày: 09-01-2026
V/v "Về việc khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại về đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Tấn T - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 275/2025/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2025, về *"Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại về đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2025/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3742/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp D, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã G, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T1: Ông Phùng Trấn V, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số C, khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Quang N; chức vụ: Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh C (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Huỳnh Thanh D; chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn M; Chức vụ: Phó Chi cục trưởng, Chi cục Quản lý đất đai Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh K; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T: Ông Ngô Tấn Đ; chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Ngày 25/3/1993 ông có nhận chuyển nhượng của ông Yên Ngọc Q phần đất với diện tích 1.680m^2 (ngang 28m, dài 60m) tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Phần đất này có nguồn gốc đất của bà Trần Kim X chuyển nhượng lại cho ông Yên Ngọc Q theo đơn xin phép nhượng nền nhà lập ngày 15/11/1991 và chính quyền địa phương cũng đồng ý cho ông Yên Ngọc Q xây dựng cơ sở sản xuất nước mắm. Sau khi nhận chuyển nhượng, đến ngày 25/3/1993 ông Yên Ngọc Q chuyển nhượng lại cho ông toàn bộ phần đất cùng với cơ sở sản xuất nước mắm. Quá trình sử dụng đất ông đã đầu tư san lấp mặt bằng, trồng cây trên đất. Thực hiện Quyết định số: 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020. Khi Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi đất của ông nhưng không thực hiện việc tái định cư, không bồi thường, hỗ trợ theo quy định, chính sách của Nhà nước. Tháng 6 năm 2023, ông làm đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường khi thu hồi đất và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Công văn số: 1789/UBND-VP ngày 06/6/2023 trả lời không công nhận quyền sử dụng đất cho ông và ông không được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Ông tiếp tục khiếu nại và được Chủ

tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 211/QĐ-UBND ngày 29/9/2023, không chấp nhận khiếu nại của ông, giữ nguyên Công văn số: 1789/UBND-VP ngày 06/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Ông tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh C và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số: 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024, không chấp nhận khiếu nại và giữ y Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 211/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Căn cứ Đơn xin phép nhượng nền nhà ngày 15 tháng 11 năm 1991 giữa bà Trần Kim X và ông Yên Ngọc Q; Đơn xin phép sản xuất nước mắm ngày 29 tháng 11 năm 1991 của ông Yên Ngọc Q; Đơn sang nhượng nền nhà của ông Yên Ngọc Q và ông Nguyễn Ngọc T1 ngày 25 tháng 11 năm 1993; căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì ông được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi nên ông khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số: 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C xác định: Phần đất liên quan đến nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T1 thì từ trước năm 1987 do Nông trường quốc doanh I quản lý, sử dụng (theo bản đồ 299, thửa 57, tờ bản đồ số 3, diện tích 338.950m^2). Năm 1988, Nông trường Quốc doanh I giải thể, phần đất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ quản lý. Việc chuyển nhượng đất giữa bà Trần Kim X, ông Yên Ngọc Q và ông Nguyễn Ngọc T1 là không đúng quy định của pháp luật. Năm 2017, thực hiện dự án Kè cấp bách tại xã T, huyện Đ thì khi đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, phần đất do ông Nguyễn Ngọc T1 sử dụng đã sạt lở gần như hoàn toàn xuống sông, công trình, vật kiến trúc khác không còn, danh sách các chủ sử dụng đất bị ảnh hưởng bởi dự án không có tên ông Nguyễn Ngọc T1. Mặt khác, dự án Kè cấp bách xã T là dự án phục vụ công cộng và dự án không có chủ trương bồi thường về đất do toàn bộ khu đất thuộc Nhà nước quản lý chỉ có hỗ trợ, bồi thường đối với công trình, vật kiến trúc, cây trồng bị ảnh hưởng bởi dự án. Từ đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T1.

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau *(là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ)* xác định: Trước đây ông Nguyễn Ngọc T1 có đơn yêu cầu bồi thường phần đất tại xã T thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có Công văn số 1789/UBND-VP ngày 06/6/2023 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Ngọc T1. Sau đó ông Nguyễn Ngọc T1 khiếu nại văn bản này nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 211/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 đối với ông Nguyễn Ngọc T1. Về nguồn gốc phần đất là của Nông trường Quốc Doanh 1 quản lý từ trước năm 1988. Năm 1988, Nông trường Quốc Doanh 1 giải thể thì toàn bộ khu đất này do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Năm 2017 khi thực hiện dự án Kè cấp bách xã T, toàn bộ có 93 hộ dân bị ảnh hưởng đều không được bồi thường về đất chỉ hỗ trợ về nhà ở, cây trồng và công trình kiến trúc khác. Trong 93 hộ này không có hộ ông

Nguyễn Ngọc T1. Tại thời điểm kiểm đếm, ông Nguyễn Ngọc T1 không có nhà ở, công trình kiến trúc khác kể cả cây trồng nằm trong phạm vi xây dựng Kè cấp bách T. Phần đất ông Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu bồi thường thì hầu như sạt lở hết xuống sông. Biên bản làm việc ngày 25 tháng 4 năm 2023, ông Nguyễn Ngọc T1 thừa nhận sau cơn bão số 5 vào năm 1997 cho đến nay thì ông Nguyễn Ngọc T1 không còn sản xuất và không còn ở trên phần đất này nữa. Căn cứ Điều 75, 82, 90, 92 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh C thì ông Nguyễn Ngọc T1 không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2025/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 193, 348 của Luật tố tụng hành chính; các Điều 75; 76; 89; 90; 99; 100; 101 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T1 về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số: 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/7/2025, ông Nguyễn Ngọc T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, cụ thể đề nghị xem xét: Đất có nguồn gốc của bà Trần Kim X, năm 1991 chuyển nhượng lại cho ông Yên Ngọc Q. Năm 1993, ông Q chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc T1 có người làm chứng và địa phương xác nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 100 Luật đất đai 2013. Phần đất này, ông T1 sử dụng ổn định, có công trình, tài sản trên đất. Việc không công nhận quyền sử dụng đất, không bồi thường, không hỗ trợ bồi thường là trái quy định pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Ông Lê Văn M trình bày: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C không có kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ông Ngô Tấn Đ trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước, cụ thể là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T1 là trong thời hạn, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định bị kiện:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số: 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C là quyết định của cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại về đất đai; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án xây dựng Kè cấp bách tại xã T thuộc địa phận hành chính tỉnh Cà Mau nên việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C được xác định là đúng trình tự và đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 66, 67 và các quy định khác của Luật đất đai.

[2.2]. Xét về Quyết định hành chính có liên quan: Việc khởi kiện Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C liên quan đến việc trả lời yêu cầu và giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ tại Công văn số: 1789/UBND-VP ngày 06/6/2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 211/QĐ-UBND ngày 29/9/2023.

Công văn số 1789/UBND-VP ngày 06/6/2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 211/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là quyết định hành chính có liên quan cần phải được xem xét.

Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho toàn dự án Kè cấp bách xã T nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Xét về căn cứ ban hành Quyết định hành chính bị kiện: Quá trình thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách T, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã tổ chức thực hiện việc điều tra, khảo sát, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng trình tự luật định, tất cả các thủ tục có liên quan đều được công bố cho các hộ dân trong dự án. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với trường hợp của ông Nguyễn Ngọc T1 thì khi thực hiện việc

khảo sát, do phần đất đã bị sạt lở và ông T1 không có mặt tại địa phương nên quá trình khảo sát, lập phương án thực hiện dự án không được thông báo cho ông T1 là chưa đúng quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai. Tuy nhiên, khi ông T1 khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tiến hành xác minh lại hiện trạng về đất, các công trình trên đất tại vị trí phần đất ông T1 yêu cầu. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ông T1 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Nội dung cơ bản của các văn bản hành chính nêu trên đều xác định phần đất mà ông T1 yêu cầu thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên không chấp nhận việc công nhận quyền sử dụng phần đất trên cho ông T1. Mặt khác, dự án Kè cấp bách Tân Thuận không có bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ, bồi thường về nhà ở, công trình kiến trúc, cây trồng trên đất, nhưng phần đất mà ông T1 yêu cầu đã bị sạt lở, không có công trình, vật kiến trúc, cây trồng nên không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông T1.

Xét về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất: Bà Trần Kim X chuyển nhượng lại cho ông Yên Ngọc Q và ông Q chuyển nhượng lại cho T1. Các giấy tờ về đất thể hiện tại "Đơn xin phép nhượng nền nhà" ngày 15/11/1991 giữa bà Trần Kim X và ông Yên Ngọc Q; "Đơn xin phép sản xuất nước mắm" ngày 29/11/1991 và "Đơn sang nhượng nền nhà" ngày 25/11/1993. Xét qua nội dung các văn bản trên cho thấy việc bà Trần Kim X có đơn xin chuyển nhượng nền nhà cho ông Yên Ngọc Q nhưng không thể hiện được nguồn gốc đất và bà Trần Kim X cũng chỉ xin phép để chuyển nhượng phần "C đào đắp" với số tiền bằng 300.000 đồng. Ông Yên Ngọc Q cũng chỉ xin phép được "xây dựng cơ sở sản xuất nước mắm" trên phần đất. Còn tại "Văn bản" chuyển nhượng tài sản giữa ông Yên Ngọc Q với ông Nguyễn Ngọc T1 lập ngày 25/11/1993 nội dung chỉ thể hiện việc ông Yên Ngọc Q chuyển nhượng tài sản cho ông Nguyễn Ngọc T1 gồm có "Bồn nước mắm" và diện tích nhà xưởng, bao che với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Tất cả các văn bản trên được chính quyền địa phương đồng ý chứng thực nhưng nội dung chứng thực đồng ý cho các bên thực hiện nội dung công việc theo yêu cầu và cũng không thể hiện về căn cứ để xác định quyền sử dụng đất thuộc cá nhân, hộ gia đình theo quy định chung của pháp luật. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân và Công an nhân dân xã T không phải là cơ quan có thẩm quyền trong việc công nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình cũng như nội dung chứng thực của các cơ quan này đều không có nội dung công nhận quyền sử dụng đất, giao dịch về đất của ông Nguyễn Ngọc T1.

Theo tài liệu, hồ sơ địa chính do Ủy ban nhân dân tỉnh C và Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp thì phần đất liên quan đến yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T1 nằm trong diện tích đất 338.950m^2 thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 3 *(bản đồ địa chính 299)* do Nông trường Quốc doanh 1 quản lý. Năm 1988, Nông

trường Quốc doanh I giải thể phần đất trên không được giao cho cá nhân hay tổ chức mà thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã T là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý theo phân cấp của Luật Đất đai. Quá trình sử dụng đất cho đến trước khi thực hiện dự án thì ông Nguyễn Ngọc T1 không có yêu cầu cơ quan cấp có thẩm quyền xem xét công nhận quyền sử dụng đất và cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của Luật đất đai 1993 và các Điều 95, 99, 100, 101 của Luật Đất đai 2013.

Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất: Sau khi nhận chuyển nhượng tài sản từ ông Q thì ông T1 cũng không quản lý, sử dụng phần đất, tài sản trên đất và cũng không có căn cứ nào để chứng minh việc đầu tư vào đất. Tại biên bản làm việc lập ngày 25/4/2023, ông Nguyễn Ngọc T1 xác định là ông sang nhượng cơ sở sản xuất nước mắm của ông Yên Ngọc Q nhưng không hoạt động, không tiếp tục sản xuất nước mắm mà dự định làm cơ sở cơ khí để sửa tàu. Khi xãy ra cơn bảo số 5 năm 1997 thì đất bị sạt lở một phần, cơ sở sản xuất nước mắm cũng không còn. Từ năm 1997 đến năm 2008 thì địa phương có lấy đất nền để bồi đắp lộ, bờ đập và tại thời điểm này thì nên đất cũng không còn và các hồ chứa nước mắm đã bị sạt lở xuống sông G. Tại biên bản xác minh lập ngày 22/8/2023, chính quyền địa phương xác định khi cơn bảo số 5 năm 1997 xảy ra thì phần đất nền do ông Nguyễn Ngọc T1 sử dụng đã bị sạt lở xuống sông, chỉ còn lại khoảng 10 mét tính từ lộ cũ.

Theo hồ sơ dự án Kè cấp bách Tân Thuận được phê duyệt tại Quyết định số 972/QĐ-UBND thì toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án được xác định là đất do Nhà nước quản lý nên không bồi thường về đất mà chỉ bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất. Tại thời điểm thực hiện việc khảo sát, lập phương án bồi thường của dự án Kè cấp bách Tân Thuận không mời ông Nguyễn Ngọc T1 chứng kiến là không đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi ông Nguyễn Ngọc T1 khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện Đ cũng đã phối hợp với các tổ chức có liên quan và cùng với ông Nguyễn Ngọc T1 thực hiện việc xác minh, đo đạc, khảo sát hiện trạng phần đất của ông Nguyễn Ngọc T1. Bên cạnh đó, theo chính lời khai của ông Nguyễn Ngọc T1 thì ngay tại thời điểm thực hiện việc khảo sát, lập phương án bồi thường thì phần đất đã bị sạt lở, tài sản trên đất cũng không còn nên phương án bồi thường được phê duyệt không có hộ của ông Nguyễn Ngọc T1. Từ những cơ sở trên có căn cứ xác định tại thời điểm thực hiện dự án Kè cấp bách T thì phần đất mà ông Nguyễn Ngọc T1 sử dụng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và vẫn thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã T theo phân cấp quản lý của Luật đất đai; phần đất cũng đã bị sạt lở và không còn tài sản về nhà ở, công trình, vật kiến trúc và kể cả cây trồng nên không được bồi thường theo quy định tại các Điều 74, 75, 89, 90 của Luật Đất đai 2013.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T1.

[3]. Đề nghị Kiểm sát viên tại phiên tòa được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc T1 là người cao tuổi nên được Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T1.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2025/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T1 về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số: 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T1 được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án DS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt